

Số: 396/KH-TTYT

Giang Thành, ngày 06 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Hoạt động chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản quý I năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 362/KH-TTYT ngày 27/02/2025 của Trung tâm Y tế huyện Giang Thành về việc Hoạt động Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2025.

Nay Trung tâm Y tế xây dựng kế hoạch Hoạt động Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản quý I năm 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Cải thiện tình trạng SKBMTE/SKSS của người dân, tập trung vào giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh; đồng thời tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng dự phòng các bệnh lây truyền từ mẹ sang con, dự phòng và sàng lọc ung thư cổ tử cung, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên – thanh niên..

2. Mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện từ 90 - 95% chỉ tiêu quý I về công tác khám và điều trị phụ khoa, 4 biện pháp tránh thai kế hoạch hóa gia đình (Bảng chỉ tiêu kèm theo).
- Công tác quản lý thai đạt từ 90% trở lên theo kế hoạch của quý I.
- Công tác khám thai lần ≥ 4 lần đạt 90% theo kế hoạch của quý I.
- Thực hiện 90% chỉ tiêu như phụ nữ đẻ, tư vấn phụ nữ mang thai xét nghiệm HIV.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1 Thông tin – giáo dục - truyền thông và tuyên truyền vận động.

- Phổ biến rộng rãi các thông tin liên quan đến các chính sách, các nội dung giáo dục quần chúng về sức khỏe sinh sản với các hình thức đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau nhằm nâng cao sự hiểu biết và khuyến khích các gia đình, các cặp vợ chồng, các cá nhân tự nguyện tham gia thực hiện các mục tiêu về sức khỏe sinh sản.

- Sử dụng đa dạng hình thức tuyên truyền, phát triển các loại tài liệu truyền thông thích hợp với từng nhóm đối tượng. Nâng cao năng lực truyền thông trực tiếp cho đội ngũ người cung cấp dịch vụ ở các tuyến cơ sở.

2. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em.

- Tăng cường công tác quản lý thai: các bà mẹ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ để phát hiện sớm và đề phòng các tai biến sản khoa.

Thực hiện đỡ đẻ có kỹ năng, an toàn, không sang chấn, nhận biết và xử trí kịp thời các tai biến sản khoa. Tổ chức tốt việc chăm sóc sau đẻ đối với tất cả các sản phụ và trẻ sơ sinh, tại cơ sở y tế. Tư vấn, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và dinh dưỡng hợp lý trong “1000 ngày đầu đời”;

- Cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và phối hợp với phòng truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ.

- Triển khai Sổ theo dõi Sức khỏe bà mẹ trẻ em theo QĐ số 140/QĐ-BYT ngày 20/01/2020.

- Thực hiện lồng ghép chăm sóc trẻ, quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Thực hiện và triển khai các hoạt động trong tuần lễ thế giới nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn Bộ Y tế.

3. Phòng chống NKĐSS/NKLQĐTD và HIV/AIDS.

- Tổ chức lồng ghép các đợt khám, điều trị phụ khoa với tư vấn phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản, phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.

- Thực hiện tốt tư vấn và xét nghiệm dự phòng lây truyền HIV/AIDS cho bà mẹ mang thai để phát hiện sớm và có cách dự phòng, giảm tỉ lệ lây truyền từ mẹ sang con.

- Quản lý, phân loại nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục.

- Dự phòng và phát hiện sớm các bệnh nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản.

- Thực hiện can thiệp dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, tiến tới dự phòng các bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con bao gồm cả giang mai và viêm gan B.

4. Cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn.

- Thực hiện tốt việc quản lý số liệu thực hiện KHHGD tại y tế cơ sở.

- Các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD cần có sẵn các phương tiện, dụng cụ tránh thai. Đảm bảo việc tư vấn, vận động sử dụng biện pháp tránh thai, cung cấp biện pháp tránh thai sau phá thai để tránh phá thai lặp lại.

- Nâng cao nhận thức hiểu biết của người dân về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em, phòng tránh các bệnh viêm nhiễm đường sinh sản.

- Giảm tử vong mẹ và tử vong sơ sinh thông qua cải thiện tình trạng sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Nâng cao kiến thức về dịch vụ CSSKSS - KHHGD cho những cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, những người chưa thực hiện biện pháp KHHGD.

5. Thời gian và địa điểm thực hiện:

Thời gian	Địa điểm	Phối hợp thực hiện
Ngày 26/3/2025	TYT xã Phú Mỹ	Khoa CSSKSS và CBPTCT

Ngày 26/3/2025	TYT xã Tân Khánh Hòa	Khoa CSSKSS và CBPTCT
Ngày 27/3/2025	TYT xã Phú Lợi	Khoa CSSKSS và CBPTCT
Ngày 28/3/2025	TYT xã Vĩnh Điều	Khoa CSSKSS và CBPTCT
Ngày 28/3/2025	TYT xã Vĩnh Phú	Khoa CSSKSS và CBPTCT

III. KINH PHÍ.

Sử dụng kinh phí đúng hoạt động thường xuyên được Sở Y tế phân bổ năm 2025 (chi tiết kèm theo phụ lục).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- Tham mưu Ban Giám Đốc thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản quý I năm 2025.

- Chuẩn bị nội dung tuyên truyền chương trình CSSKSS/KHHGD.

2. Phòng Dân số truyền thông giáo dục sức khỏe:

Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền và đưa tin.

3. Phòng Tài chính – Kế toán:

Phân bổ kinh phí hoạt động sử dụng theo qui định.

4. Trạm Y tế xã:

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với ban ngành đoàn thể thực hiện để đạt các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

- Chuẩn bị đối tượng và địa điểm thực hiện công tác tuyên truyền chương trình CSSKSS/KHHGD và phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.

Trên đây là kế hoạch chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản quý I năm 2025 của Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Y tế huyện Giang Thành. *KS*

Nơi nhận:

- Phòng KH – NV;
- Phòng Dân số - TTGDSK;
- Trạm Y tế xã;
- Lưu: VT, tkDung.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



★ Trần Thị Thu Liệt



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Giang Thành, ngày 06 tháng 3 năm 2025

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN QUÍ I NĂM 2025

Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng lây truyền HIV mẹ sang con

Đính kèm theo kế hoạch số: 396/KH- TTYT ngày 06 tháng 3 năm 2025

STT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Chỉ tiêu thực hiện	Phú Mỹ	Phú Lợi	Tân Khánh Hoà	Vĩnh Điều	Vĩnh Phú	Ghi chú
I	Chăm sóc SKBM								
1	Nạo phá thai	Ca	5	1	1	1	1	1	
2	Khám phụ khoa	Lượt	1290	230	210	260	290	300	
3	Điều trị phụ khoa	Lượt	585	105	90	125	130	135	
4	Số phụ nữ đẻ trong năm	Người	114	24	18	24	24	24	
-	Số đẻ tuổi vị thành niên	Người	5	1	1	1	1	1	
5	Phụ nữ đẻ được khám thai > 4 lần	Ca	105	22	17	22	22	22	
-	Tỷ lệ phụ nữ đẻ khám thai > 4 lần	%	90	90	90	90	90	90	
6	BM và trẻ SS được CS sau đẻ	Ca	114	24	18	24	24	24	
-	Tỷ lệ BM và trẻ SS được CS sau đẻ	%	97	97	97	97	97	97	

II	Chăm sóc SKTE								
1	Số trẻ đẻ ra sống	Trẻ	114	24	18	24	24	24	
	Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống được cân	%	100	100	100	100	100	100	
2	Số trẻ tử vong dưới 1 tuổi	Trẻ	5	1	1	1	1	1	
	Tỷ suất tử vong trẻ <1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰	9,27	9,27	9,27	9,27	9,27	9,27	
3	Số trẻ vong dưới 5 tuổi	Trẻ	5	1	1	1	1	1	
	Tỷ suất tử vong trẻ < 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰	11,50	11,50	11,50	11,50	11,50	11,50	
III	Kế hoạch hóa gia đình	Người	542	81	71	99	143	148	
1	Vòng tránh thai	Người	126	20	16	25	32	33	
2	Thuốc tránh thai	Người							
	Thuốc uống tránh thai	Người	150	20	18	26	42	44	
	Thuốc tiêm tránh thai	Người	112	20	18	21	26	27	
	Thuốc cấy tránh thai	Người	4	1	1	1	1	0	
3	Bao cao su	Người	150	20	18	26	42	44	
IV	Chương trình lây truyền từ mẹ sang con	Người	177	34	31	37	37	38	
1	Số PN có thai được tư vấn	Người	100	19	17	21	21	22	
2	Số PN có thai được XN máu	Người	77	15	14	16	16	16	